

Số: DBLU_21/03h30/DBQG

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2024

**TIN Lũ KHẨN CẤP TRÊN SÔNG CẦU, SÔNG THƯƠNG, SÔNG
HOÀNG LONG VÀ SÔNG THÁI BÌNH
TIN Lũ TRÊN SÔNG THAO, SÔNG LÔ, SÔNG LỤC NAM VÀ SÔNG
HỒNG**

1. Hiện trạng diễn biến lũ đã qua

- Lũ trên sông Cầu (tỉnh Bắc Ninh), sông Thương (tỉnh Bắc Giang), sông Thái Bình (Thành phố Hải Dương), sông Hồng (Thành phố Hà Nội) đang lên.
- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái và Phú Thọ đang xuống.
- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang đang xuống.
- Lũ trên sông Hoàng Long (tỉnh Ninh Bình) đang biến đổi chậm.
- Lũ trên sông Lục Nam (tỉnh Bắc Giang) đang biến đổi chậm.

Mức nước lúc 01h/12/9, trên các sông như sau:

- Trên sông Thao tại Yên Bái 31,79m, dưới BĐ3 0,21m; tại Phú Thọ 17,42m, dưới BĐ1 0,08m;
- Trên sông Cầu tại Đáp Cầu 7,62m, trên BĐ3 1,32m;
- Trên sông Thương tại Phủ Lạng Thương 7,23m, trên BĐ3 0,93m;
- Trên sông Lục Nam tại Lục Nam 6,28m, dưới BĐ3 0,02m;
- Trên sông Lô tại Tuyên Quang 26,14m, trên BĐ3 0,14m; tại Vụ Quang 20,94m, trên BĐ3 0,44m.
- Trên sông Hoàng Long tại Bến Đé 4,50m, trên mức BĐ3 0,5m;
- Trên sông Thái Bình tại Phả Lại 6,16m, trên BĐ3 0,16m;
- **Trên sông Hồng tại Hà Nội 11,26m, dưới BĐ3 0,24m.**

2. Dự báo:

Trong 12 giờ tới:

- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái tiếp tục xuống mức BĐ2.
- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang sẽ xuống dưới mức BĐ3.
- Lũ trên sông Cầu tiếp tục lên trên mức BĐ3.
- Lũ trên sông Thương sẽ biến đổi chậm ở trên mức BĐ3.
- Lũ trên sông Lục Nam sẽ biến đổi chậm ở mức BĐ3.
- Lũ trên sông Thái Bình tiếp tục lên trên mức BĐ3.
- Lũ trên sông Hoàng Long sẽ biến đổi chậm trên mức BĐ3.
- **Lũ trên sông Hồng tại Hà Nội sẽ biến đổi chậm ở trên mức BĐ2 và dưới BĐ3.**

Trong 12- 24 giờ tiếp theo:

- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái tiếp tục xuống mức BĐ1.
- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang sẽ xuống dưới mức BĐ2.

- Lũ trên sông Cầu sẽ biến đổi chậm ở trên mức BĐ3.
- Lũ trên sông Thương sẽ biến đổi chậm ở trên mức BĐ3.
- Lũ trên sông Lục Nam sẽ biến đổi chậm ở mức BĐ3.
- Lũ trên sông Thái Bình sẽ biến đổi chậm trên mức BĐ3.
- Lũ trên sông Hoàng Long sẽ biến đổi chậm trên mức BĐ3.
- **Lũ trên sông Hồng tại Hà Nội sẽ biến đổi chậm ở mức BĐ2.**

(Chi tiết mực nước thực đo, dự báo các điểm trong Phụ lục 1).

Cảnh báo: Trong 24 giờ tới, mực nước các trạm hạ lưu hệ thống sông Hồng- Thái Bình lên mức BĐ3 và trên BĐ3. Mực nước lũ lên cao gây ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông, bãi bồi ngoài đê chính, gây tràn vỡ các đê bồi ven sông, sạt lở đê, kè có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến các vị trí xung yếu ven sông thuộc các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Ninh Bình.

3. Cảnh báo nguy cơ ngập lụt, khả năng xảy ra các thiên tai khác đi kèm

Tình trạng ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông tại các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Bắc Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Hòa Bình; lũ quét và sạt lở đất trên các sườn dốc ở khu vực vùng núi Bắc Bộ *(thông tin dự báo, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất thời gian thực được cung cấp trực tuyến trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Khí tượng Thủy văn tại địa chỉ: <http://luquetsatlo.nchmf.gov.vn/> và trong bản tin riêng cảnh báo lũ quét, sạt lở đất).*

(Chi tiết huyện có nguy cơ ngập lụt trong Phụ lục 2).

4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ: Cấp 3

5. Cảnh báo tác động của lũ:

Lũ trên các sông, suối lên gây ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông, bờ bãi ven sông bị nước xâm lấn, nhiều diện tích bãi nổi giữa sông bị ngập sâu. ảnh hưởng tới các hoạt động giao thông đường thủy, nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp dân sinh và các hoạt động kinh tế xã hội, đặc biệt tại hạ lưu sông Hồng-Thái Bình.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 09h00 ngày 12/9/2024

Tin phát lúc: 03h30

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Văn Đại

Phụ lục 1. Bảng trị số mực nước thực đo và dự báo

Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo	Dự báo									
			01h/12/9	07h/12/9	13h/12/9	19h/12/9	01h/13/9	07h/13/9	13h/13/9	19h/13/9	01h/14/9	H đỉnh	Thời gian xuất hiện
Thao	Yên Bái	H (cm)	3179	3130	3070	3020	2980						
		So sánh (cm)	<BD3 21	>BD2 30	<BD2 30	>BD1 20	<BD1 20						
Thao	Phú Thọ	H (cm)	1742	1710	1680	1640	1610						
		So sánh (cm)	<BD1 8	<BD1 40	<BD1 70	<BD1 110	<BD1 140						
Cầu	Đáp Cầu	H (cm)	762	765	770	765	760						
		So sánh (cm)	>BD3 132	>BD3 135	>BD3 140	>BD3 135	>BD3 130						
Thương	Phủ Lạng Thương	H (cm)	723	725	725	720	715					730	
		So sánh (cm)	>BD3 93	>BD3 95	>BD3 95	>BD3 90	>BD3 85					>BD3 100	Sáng 12/9
Lục Nam	Lục Nam	H (cm)	628	625	625	620	615						
		So sánh (cm)	<BD3 2	<BD3 5	<BD3 5	<BD3 10	<BD3 15						
Thái Bình	Phả Lại	H (cm)	616	620	625	630	630	625	620				
		So sánh (cm)	>BD3 16	>BD3 20	>BD3 25	>BD3 30	>BD3 30	>BD3 25	>BD3 20				
Lô	Tuyên Quang	H (cm)	2614	2560	2500	2470	2400						
		So sánh (cm)	>BD3 14	<BD3 40	<BD3 100	>BD2 70	BD2						
	Vụ Quang	H (cm)	2094	2050	1990	1920	1850						
		So sánh (cm)	>BD3 44	BD3	>BD2 40	<BD2 30	>BD1 20						

Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo	Dự báo									Thời gian xuất hiện
			01h/12/9	07h/12/9	13h/12/9	19h/12/9	01h/13/9	07h/13/9	13h/13/9	19h/13/9	01h/14/9	H đỉnh	
Hoàng Long	Bến Đé	H (cm)	450	465	460	450	430						
		So sánh (cm)	>BĐ3 50	>BĐ3 65	>BĐ3 60	>BĐ3 50	>BĐ3 30						
Hồng	Hà Nội	H (cm)	1126	1130	1110	1090	1060	1040	1020	990	960	1130-1140	Sáng ngày 12/9
		So sánh (cm)	<BĐ3 24	<BĐ3 20	<BĐ3 40	>BĐ2 40	>BĐ2 10	<BĐ2 10	<BĐ2 30	>BĐ1 40	>BĐ1 10	<BĐ3 10-20	

Phụ lục 2. Nguy cơ ngập lụt ở các vùng trũng, thấp tại các Quận/ huyện

TT	Tỉnh	Quận/Huyện có nguy cơ ngập lụt
1	Yên Bái	Yên Bái, Trấn Yên, Văn Yên, Văn Trấn, Lục Yên, Yên Bình, Trạm Tấu
2	Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang, Hiệp Hòa, Việt Yên, Lục Ngạn, Lạng Giang, Lục Nam
3	Thái Nguyên	Tp. Thái Nguyên, Tp. Sông Công, Phú Lương, Đồng Hỷ, Phú Bình, Tx. Phổ Yên
4	Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh, Yên Phong,
6	Phú Thọ	Tân Sơn, Thanh Sơn, Tam Nông, Yên Lập, Hạ Hòa, Thanh Ba, Cẩm Khê, Lâm Thao, Đoan Hùng.
7	Tuyên Quang	Hàm Yên, Chiêm Hóa, Thành phố Tuyên Quang, Yên Sơn, Sơn Dương
8	Hà Nội	Tây Hồ, Long Biên, Hoàn Kiếm, Gia Lâm, Thanh Oai, Chương Mỹ, Ứng Hòa, Sóc Sơn, Đông Anh
9	Ninh Bình	Nho Quan, Gia Viễn, Thành phố Ninh Bình, Yên Khánh
10	Hải Dương	Thanh Hà, Kinh Môn, Nam Sách, Tứ Kỳ, Thanh Miện, Ninh Giang, Chí Linh, thành phố Chí Linh, thành phố Hải Dương
11	Thái Bình	Hưng Hà, Vũ Thư, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, thành phố Thái Bình
12	Nam Định	Thành phố Nam Định, Ý Yên, Vụ Bản, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Giao Thủy
13	Hà Nam	Kim Bảng, thành phố Phủ Lý, Thanh Liêm
14	Vĩnh Phúc	Yên Lạc, Lập Thạch